

Bản án số: 35/2020/HS-PT  
Ngày 11-5-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Hữu

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thanh Vũ

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sáu-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 15/2020/TLPT-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo NTP do có kháng cáo của bị cáo NTP và bị hại NVN đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:*** NTP; Sinh năm 1987; Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K; Vợ: Trần Thị Tuyết N; Sinh năm 1985; Con có 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; Anh, chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24-10-2019 cho đến nay (có mặt)

***- Bị hại có kháng cáo:*** Ông NVN; Sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 30-8-2019 NTP điều khiển xe mô tô biển số 83H7-xxxx từ xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đến Trung tâm Hội nghị tiệc cưới TT, khóm H, Phường H, thành phố S để dự tập huấn, đến khoảng 13 giờ 16 phút

cùng ngày, NTP đến và đậu xe ở bãi giữ xe để vào tập huấn, khi đi vào thì NTP phát hiện xe mô tô biển số 83xx-xxxx của bị hại NVN còn gắn chìa khóa trong ổ khóa xe, NTP đi vào nhận tài liệu tập huấn xong, NTP không vào phòng tập huấn mà đi quay trở ra lấy chìa khóa xe của ông NVN cất vào túi rồi đi vào phòng dự tập huấn. Ngồi dự tập huấn được khoảng 15 phút thì NTP đi ra bãi giữ xe lấy chìa khóa gắn vào ổ khóa xe trả cho bị hại và lấy xe của NTP đi về. Khi đi được khoảng vài mét thì NTP nhìn thấy bãi giữ xe vắng người nên NTP đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại. Với ý định đó NTP liền quay trở lại mở cốp xe tìm tài sản để chiếm đoạt, khi mở cốp xe thì trong cốp xe có một cọc tiền với mệnh giá 500.000 đồng được cột bằng dây thun, NTP lấy tiền bỏ vào cuốn tài liệu tập huấn và lấy chìa khóa xe của bị hại bỏ vào túi rồi lấy xe của NTP chạy đi uống cà phê, tại đây thì NTP đã làm mất chìa khóa xe của bị hại. Đến ngày 31 tháng 8 năm 2019 thì NTP lấy cọc tiền ra đếm được 11.000.000 đồng và cất giấu vào tủ trong nhà của NTP. Đến ngày 17-9-2019 Công an phường 2 làm việc với NTP thì NTP đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền mà NTP đã chiếm đoạt của bị hại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố S

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo NTP phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo NTP 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại.

\* Ngày 17-02-2020, bị cáo NTP và bị hại NVN kháng cáo xin cho bị cáo NTP được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo NTP và bị hại NVN giữ nguyên nội dung kháng cáo xin cho bị cáo NTP được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo và bị hại, sửa án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo NTP và đơn kháng cáo của bị hại NVN được lập và nộp cho Tòa án nhân dân thành phố S ngày 17-02-2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo và bị hại theo trình tự phúc thẩm

[2] Về hành vi phạm tội của NTP như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo NTP khai nhận vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 30-8-2019, bị cáo đi ngang bãi giữ xe của tiệc cưới TT, khóm H, Phường H, thành phố S, bị cáo phát hiện xe mô tô biển số 83xx-xxxx của bị hại NVN còn gắn chìa khóa trong ổ khóa xe, bị cáo đã lén lút lấy chìa khóa xe của bị hại NVN mở cốp xe lấy số tiền là 11.000.000 đồng. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo NTP phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo NTP và bị hại NVN về việc xin cho bị cáo được hưởng án treo: Khi xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn; Bị cáo là con của ông Nguyễn Văn Hồ là người có công với cách mạng; Bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo và tại phiên tòa sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo NTP là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Xét điều kiện để hưởng án treo của bị cáo NTP thì thấy, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, bị cáo có nhân thân tốt, có từ 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo nhất thời phạm tội; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây ảnh hưởng nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Như vậy, bị cáo NTP đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo NTP và kháng cáo của người bị hại NVN, xử phạt bị cáo NTP 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách là 01 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (11-5-2020). Giao bị cáo NTP cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo NTP cố ý vi phạm

nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo NTP, bị hại NVN, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo NTP được hưởng án treo.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo NTP và bị hại NVN về việc xin cho bị cáo NTP được hưởng án treo.

Sửa phần quyết định hình phạt đối với bị cáo NTP của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo NTP 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và 01 (Một) năm thử thách về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách tính từ ngày 11-5-2020. Giao bị cáo NTP cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo NTP cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo NTP và bị hại NVN không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND Tp, S (02);
- VKSND Tp, S (01);
- Công an Tp, S (01);
- CQTHAHS- Công an Tp, S (01)
- CQĐT- Công an Tp, S; (01)
- Chi cục THADS Tp, S (01);
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Bị cáo, bị hại; (04);
- Đảng ủy xã T, huyện T (01);
- PKTNV-THA - TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu HSVA, THS, THCTP (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Nguyễn Thành Hữu**